

Bản án số: **14/2025/HS-ST**

Ngày: 15-01-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hà;**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Cờ;**

Ông Nguyễn Văn Lương.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hoàng** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 470/2024/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2024/QĐXX-HS ngày 17 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/6/1978; Hộ khẩu thường trú: Số D ngõ B đường L, (tổ A) phường B, quận L, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ; Con bà Lê Thị H; Vợ: Lâm Thị X; Có 02 con sinh năm 2006, 2010; Tiền án: Bản án số 150 ngày 25/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 23/12/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - án chưa có hiệu lực pháp luật; Tiền sự: Không; Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, Ninh Bình; (Hiện bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H); Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: P tầng C, tập thể nhạc viện H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1968; Địa chỉ: P tầng C, tập thể nhạc viện H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản Cáo trạng số 463/CT-VKSĐĐ ngày 29/11/2024, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian đầu năm 2021, do không có nghề nghiệp ổn định và đang nợ nần nên Nguyễn Văn T (sinh năm 1978; trú tại số D ngõ B đường L, tổ A, phường B, quận L, Hà Nội) nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thông qua mối quan hệ xã hội, T quen biết với anh Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1990; trú tại P tập thể N Hà Nội, phường Ô, quận Đ, Hà Nội), qua chuyện trò T đã đưa ra thông tin gian dối và tự giới thiệu bản thân hiện đang làm việc tại Phòng sau thanh tra - Bộ X1, có nhiều mối quan hệ để lo làm sổ đỏ đất, làm xong được sổ đỏ thì giá sẽ cao hơn để bán kiếm lời; T nói dối với anh T1 là có một mảnh đất tại ngõ A, phố N, phường L, quận L, Hà Nội, hiện chưa có sổ đỏ và chủ đất là ông Lưu Bình T2 (sinh năm 1956; trú tại tổ B, phường L, quận L, Hà Nội) đang muốn bán với giá 1.000.000.000 đồng. Để tạo lòng tin cho anh T1, T chụp ảnh thông tin về thửa đất và ảnh đóng thuế đất của ông T2 rồi gửi cho anh T1; T đề nghị anh T1 góp số tiền 350.000.000 đồng, số còn lại T sẽ đóng góp và hứa sẽ cho vợ anh T1 là chị Nguyễn Thùy L (sinh năm 1996; trú tại P tập thể Nhạc Viện H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) đứng tên mảnh đất trên. Do không đủ tiền, nên anh T1 có mượn tiền của bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1968, trú tại P tập thể Nhạc Viện H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội - là mẹ vợ của T1) số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 01/3/2021, anh T1 đưa trước cho T 20.000.000 đồng tiền mặt rồi nhờ anh Nguyễn Trần H1 (sinh năm 1980, trú tại số nhà A phố N, phường V, H, Hà Nội - là bạn của anh T1) và chị L chuyển tiền nhiều lần đến số tài khoản 8550188868888 mở tại Ngân hàng TMCP Q (M2) mang tên Nguyễn Văn T với tổng số tiền 130.000.000 đồng.

Cụ thể như sau:

- Ngày 02/3/2021, anh H1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho T với nội dung: "em thai ck tiền coc dat".

- Ngày 08/3/2021, anh H1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho T3 với nội dung: "em thai ck them tien coc dat".

- Ngày 09/3/2021, chị L chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho T với nội dung: "e T4 ck tien dat a ah".

- Ngày 22/3/2021, chị L chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho T với nội dung: "e T4 ck tien dat ah".

Đến ngày 25/3/2021, anh T1 và T đến nhà bà M tại địa chỉ P tập thể N Hà Nội, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; T tiếp tục trình bày kế hoạch đầu tư mua đất, bà M tin tưởng đã chuyển cho T số tiền 200.000.000 đồng còn lại. Sau đó, bà M yêu cầu T viết giấy vay nợ tổng số tiền 350.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu. Đối với những thông tin hình ảnh về mảnh đất và đóng thuế đất mang tên ông Lưu Bình T2, T khai đã tải trên mạng gửi cho anh T1 để tạo sự tin tưởng, mục đích để chiếm đoạt tiền. Qua điều tra xác định mảnh đất tại ngõ A phố N có địa chỉ số B ngách B ngõ A Phố T, phường L, quận L, Hà Nội.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Cơ quan Thanh tra Bộ X1, cung cấp: "Không có ai tên Nguyễn Văn T (sinh năm 1978; trú tại số nhà D ngõ B đường L, tổ A, phường B, quận L, Hà Nội) là cán bộ công tác từ trước đến nay."

Tại Cơ quan điều tra, ông Lưu Bình T5 khai: Ông T5 không có tên khác là Lưu Bình T2, vợ ông T5 là Tăng Thị H2 (sinh năm 1956; trú tại tổ B, phường L, quận L, Hà Nội). Vợ chồng ông T5 không có mảnh đất nào tại địa chỉ ngõ A, phố N, phường L, quận L, Hà Nội. Tài sản duy nhất là nhà đất đang ở tại số nhà A ngõ B đường C, phường L, quận L, Hà Nội.

Qua xác minh thực tế, quyền sử dụng mảnh đất tại số nhà B ngách B ngõ A phố T, phường L, quận L, Hà Nội là anh Lương Đức M1 (sinh năm 1971; trú tại số nhà D ngách B, ngõ A, phố T, phường L, Hà Nội). Anh M1 khai: Anh có mảnh đất diện tích 32,7 m² địa chỉ số B ngách B ngõ A phố T, phường L, quận L, Hà Nội, hiện trạng nhà xây cấp 4 từ năm 1992, hiện làm nhà kho; Mảnh đất trên anh M1 mua từ năm 2018, đất chưa có sổ đỏ và có giấy tờ mua bán. Từ khi mua đất đến nay gia đình không có nhu cầu bán và không đăng bán bao giờ; Bản thân anh M1 không quen biết Nguyễn Văn T và vợ chồng ông bà Lưu Bình T5 và bà Tăng Thị H2.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị cáo giữ nguyên toàn bộ lời khai tại cơ quan điều tra.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến: Anh giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra. Anh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 350.000.000 đồng.

* Bà Nguyễn Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến: Gia đình đã thống nhất để anh Nguyễn Văn T1 thay mặt gia đình giải quyết mọi thủ tục và đưa ra yêu cầu đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự; Không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định khởi tố, truy tố của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được coi là hợp pháp.

[2]. Hành vi của bị cáo:

Căn cứ lời khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện thấy: Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Đơn tố cáo, Kết luận giám định về chữ ký, chữ viết trên các thỏa thuận đặt cọc và tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn T đã có hành vi gian dối, tự tạo và đưa thông tin sai lệch, không đúng sự thật để đánh lừa anh Nguyễn Văn T1, cụ thể T dựng lên kế hoạch góp vốn đầu tư mua bán đất, gian dối, tạo lòng tin để yêu cầu anh T1 chuyển tiền cho mình với mục đích chiếm đoạt. Do tin tưởng nên từ ngày 01/3/2021 đến ngày 25/3/2021, anh T1 đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho T với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này và hiện chưa trả cho bị hại đồng nào.

Hành vi gian dối để bị hại tin và giao tài sản cho bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 350 triệu đồng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ; Bản thân bị cáo không hề làm việc tại Bộ X1 nhưng lại gian dối, lợi dụng lòng tin để đánh lừa và chiếm đoạt tài sản của bị hại; Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Tình tiết tăng nặng: Không có (Hành vi bị cáo thực hiện trong vụ án này xảy ra trước hành vi bị cáo đã bị xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ tỏ ra ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 350.000.000 đồng. Nhận thấy: Đây là yêu cầu chính đáng của bị hại; Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của anh T1; Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 350 triệu đồng.

[5]. Các vấn đề khác có liên quan:

Đối với ông Lưu Bình T5: Qua xác minh thấy vợ chồng ông T5 không liên quan gì đến thửa đất tại A Ngõ T, phường L, quận L, Hà Nội, không liên quan đến hành vi của bị cáo nên không xét.

Đối với anh Lương Đức M1 - chủ sử dụng thửa đất tại A Ngõ T, phường L, quận L, Hà Nội: Qua xác minh thấy anh M1 không quen biết, không liên quan gì đến gia đình ông T5 và bị cáo nên không xét.

Đối với bà M: Bà có văn bản trình bày gia đình đã thống nhất để anh Nguyễn Văn T1 đại diện để giải quyết mọi thủ tục và đưa ra yêu cầu; Đây là sự tự nguyện của bà M, phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi trên của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo phần bản án

hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Công an quận Đống Đa;
- Chi cục THA quận Đống Đa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hà